

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện
Nghị quyết của HĐND tỉnh, Kế hoạch hành động của UBND tỉnh,
Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND huyện
về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 224/NQ-HĐND ngày 12/12/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 03/01/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2020;

Căn cứ Nghị Quyết số 10-NQ/HU ngày 10/12/2019 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Triệu Sơn về phương hướng, nhiệm vụ năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND huyện Triệu Sơn về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh, Kế hoạch hành động của UBND tỉnh, Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng, ban, cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2 QĐ;
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- TT Huyện ủy, HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện (b/c);
- Ủy viên UBND huyện;
- VP Huyện ủy, các Ban của Huyện ủy;
- Phó CVP HĐND và UBND huyện;
- BT Đảng ủy, CT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Đức Kính

Triệu Sơn, ngày 10 tháng 01 năm 2020

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh,

Kế hoạch hành động của UBND tỉnh, Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 99/QĐ-UBND

ngày 10 tháng 01 năm 2020 của UBND huyện Triệu Sơn)

Ngày 12/12/2019, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 224/NQ-HĐN về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; ngày 03/01/2020, UBND tỉnh đã có Quyết định số 21/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính Phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm, quốc phòng - an ninh năm 2020; Huyện ủy ban hành Nghị quyết số 10-NQ/HU ngày 18/12/2019 về phương hướng, nhiệm vụ năm 2020; HĐND huyện ban hành Nghị quyết số 61/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.

Để triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của HĐND tỉnh, Kế hoạch hành động của UBND tỉnh, Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND huyện, UBND huyện yêu cầu Trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị cấp huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn phát huy những thành tích đã đạt được trong năm 2019; dự báo sát đúng tình hình, tranh thủ thời cơ, thuận lợi, chủ động vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2020 đã được Nghị quyết của HĐND tỉnh, Huyện ủy, HĐND huyện đề ra, với phương châm: **“Quyết liệt, kỷ cương, tăng tốc, về đích”**; đồng thời tập trung thực hiện tốt các phương án, đề án, kế hoạch trong Chương trình công tác của UBND huyện năm 2020 và các nội dung sau:

I. TẬP TRUNG TỔNG KẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM, KHẤU ĐỘT PHÁ, CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2019, các xã, thị trấn, các phòng, ban, đơn vị khẩn trương rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020, trong đó làm rõ các chỉ tiêu đã hoàn thành kế hoạch, chỉ tiêu dự kiến hoàn thành, chỉ tiêu khó hoàn thành và phân tích, làm rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan. Từ đó, xác định các giải pháp trọng tâm, đột phá năm 2020 để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện với quyết tâm chính trị cao nhất, đảm bảo hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đã được Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp đã đề ra; định kỳ ngày 15 tháng cuối quý, báo cáo UBND huyện (qua Phòng Tài chính - Kế hoạch) kết quả thực hiện các

mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị, địa phương mình. Trường các phòng, ban, cơ quan, đơn vị, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn phải chịu trách nhiệm trước Huyện ủy, UBND huyện nếu phòng, ban, đơn vị, địa phương mình không hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

2. Những nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND huyện

2.1. Về xây dựng kế hoạch 5 năm 2021 - 2025

- Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, tiếp tục tiếp thu, tổng hợp hoàn thiện Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, đảm bảo đánh giá sát đúng với thực tế và xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 với tinh thần phấn đấu cao nhất; báo cáo UBND huyện trong tháng 01/2020 để có cơ sở xây dựng Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII theo đúng tiến độ đề ra.

- Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025: Trên cơ sở báo cáo của các phòng, ban, đơn vị, giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, tổng hợp, tham mưu xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, đảm bảo đúng định hướng, nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn các dự án theo hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh; báo cáo UBND huyện chậm nhất vào tháng 9 năm 2020.

2.2. Về tổng kết các chương trình trọng tâm giai đoạn 2016 - 2020 và xây dựng chương trình trọng tâm giai đoạn 2021 - 2025

- Đối với các chương trình trọng tâm giai đoạn 2016 - 2020: Các phòng được giao nhiệm vụ chủ trì (Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT, Nội vụ, Kinh tế và Hạ tầng) chủ động phối hợp đánh giá tình hình thực hiện các chương trình trọng tâm giai đoạn 2016 - 2020, đảm bảo chất lượng; báo cáo UBND huyện trong tháng 01/2020, để làm cơ sở hoàn thiện Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII.

- Đối với các chương trình trọng tâm giai đoạn 2021 - 2025: Các phòng, ban được giao nhiệm vụ chủ trì, căn cứ tình hình thực tế và định hướng phát triển của huyện trong giai đoạn tới, chủ động phối hợp với các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện các chương trình trọng tâm giai đoạn 2021 - 2025; báo cáo UBND huyện trong tháng 03 năm 2020, để làm cơ sở xây dựng Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII.

II. KỊP THỜI THÁO GỠ KHÓ KHĂN, VƯỞNG MẮC, TẠO THUẬN LỢI CHO SẢN XUẤT KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG

1. Sản xuất nông nghiệp

1.1. Về tích tụ, tập trung đất đai: Toàn huyện phấn đấu tích tụ, tập trung 370 ha đất để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao. Giao chỉ tiêu cụ thể cho các xã, thị trấn tại Phụ lục số 01 kèm theo Kế hoạch này.

1.2. Về chuyển đổi đất lúa: Toàn huyện phấn đấu chuyển đổi được 716 ha đất lúa kém hiệu quả sang trồng cây khác có hiệu kinh tế cao hơn. Giao chỉ tiêu cụ thể cho các xã, thị trấn tại Phụ lục số 02 Kèm theo kế hoạch này.

Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc chỉ đạo các xã, thị trấn triển khai tổ chức thực hiện quyết liệt các giải pháp và các cơ chế, chính sách của tỉnh, của huyện để khuyến khích, đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai, chuyển đổi đất lúa, tạo ra bước đột phá về tăng giá trị sản phẩm thu được/ha canh tác đối với diện tích đất chuyển đổi; định kỳ báo cáo UBND, Chủ tịch UBND huyện.

1.3. Về phòng, chống dịch bệnh

- Phòng Nông nghiệp và PTNT, UBND các xã, thị trấn:

+ Tiếp tục tập trung, quyết liệt cho công tác phòng, chống dịch tả lợn Châu Phi; quản lý chặt chẽ việc vận chuyển, giết mổ, chế biến, tiêu thụ thịt gia súc và thực hiện tái đàn lợn; khuyến khích phát triển chăn nuôi an toàn sinh học.

+ Thực hiện đồng bộ các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi, kiên quyết không để xảy ra dịch lớn trên địa bàn huyện trong năm 2020.

1.4. Về phòng, chống thiên tai

- Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn chuẩn bị tốt các điều kiện phòng, chống thiên tai; chủ động triển khai các biện pháp, kịp thời ứng phó, khắc phục các hậu quả thiên tai khi có tình huống xảy ra. Xây dựng Phương án phòng chống thiên tai, báo cáo UBND huyện trong tháng 03/2020.

- Phòng Tài chính - Kế Hoạch tham mưu bố trí nguồn kinh phí thực hiện công tác phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai thiên tai; báo cáo UBND huyện.

1.5. Về hỗ trợ tiêu thụ hàng nông sản

Phòng Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với phòng Kinh tế và Hạ tầng và các phòng, ban, đơn vị liên quan, tham mưu tích cực các biện pháp hỗ trợ tiêu thụ hàng nông sản cho nông dân; trước mắt cần chuẩn bị tốt sản phẩm để giới thiệu tại Hội chợ nông nghiệp lần thứ nhất của tỉnh đang được UBND tỉnh xúc tiến tổ chức trong thời gian sắp tới.

2. Sản xuất công nghiệp và dịch vụ

2.1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và các phòng, ban, đơn vị liên quan, tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả các cơ chế, chính sách của trung ương, của tỉnh, của huyện về phát triển công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn.

2.2. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, Phòng Kinh tế và Hạ tầng,

Phòng Tài chính - Kế hoạch tập trung chỉ đạo quyết liệt, đồng thời hỗ trợ, tạo mọi điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ các dự án đã, đang và chuẩn bị khởi công trong năm 2020 trên địa bàn, đảm bảo đúng tiến độ đề ra.

2.3. Từ 01/01/2020, giao Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng huyện ký hợp đồng ủy thác tất cả các dự án đầu tư công trên địa bàn có tổng mức đầu tư từ 02 tỷ đồng trở lên đối với các đơn vị không đủ năng lực quản lý dự án.

2.4. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với UBND các xã, thị trấn, tăng cường phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tuyển dụng lao động, nhất là các doanh nghiệp may mặc, giày da; đồng thời, phối hợp với Liên đoàn Lao động huyện và các tổ chức Công đoàn giải quyết kịp thời, hài hòa các quan hệ lao động nhằm phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động đình công, nghỉ việc tập thể trái pháp luật.

2.5. Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, UBND các xã, thị trấn, tập trung giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc về thủ tục hành chính trong đầu tư, xây dựng, tạo thuận lợi để doanh nghiệp thúc đẩy sản xuất kinh doanh và triển khai thực hiện các dự án đảm bảo tiến độ.

2.6. Đội quản lý thị số trường số 6 tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại. Phòng Y tế chủ trì, tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh hoạt động kinh doanh y dược, bán thực phẩm chức năng trên địa bàn đảm bảo quy định.

III. CẢI THIỆN MẠNH MỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ KINH DOANH, TRIỂN KHAI TOÀN DIỆN CÁC GIẢI PHÁP THU HÚT ĐẦU TƯ, TẠO ĐỘNG LỰC CHO PHÁT TRIỂN

1. Về cải cách hành chính

1.1. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các phòng ban, đơn vị, UBND xã, thị trấn

- Các phòng, ban, đơn vị cấp huyện, UBND các xã, thị trấn tiếp tục thực hiện tốt việc gửi, nhận và xử lý văn bản trên môi trường mạng theo quy định; thực hiện tốt việc quản lý văn bản và theo dõi nhiệm vụ trên phần mềm điện tử; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng phần mềm một cửa điện tử trong giải quyết TTHC.

- Giao chỉ tiêu cụ thể về tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận, giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cho các phòng, ban năm 2020 tại Phụ lục số 15 kèm theo Kế hoạch này. Đối với cấp xã, 100% TTHC được thực hiện trên phần mềm một cửa điện tử. Phòng Văn hóa và Thông tin phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND huyện có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện của UBND các xã, thị trấn về UBND huyện.

1.2. Về thực hiện kỷ cương hành chính

Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với Thanh tra, Văn phòng HĐND và UBND huyện, tham mưu thành lập Đoàn kiểm tra công vụ ở một số cơ quan đơn vị, xã, thị trấn; báo cáo Chủ tịch UBND huyện trong tháng 01 năm 2020.

2. Về giải phóng mặt bằng

2.1. Giao chỉ tiêu cụ thể về diện tích GPMB năm 2020 cho Hội đồng GPMB huyện và các phòng, ban, đơn vị liên quan tại Phụ lục số 11 kèm theo Kế hoạch này. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ báo cáo UBND huyện về kết quả thực hiện (Tỷ lệ GPMB trong năm phải đạt 80% trở lên so với chỉ tiêu tỉnh giao).

2.2. Phòng Tài nguyên và Môi trường, tham mưu xây dựng Kế hoạch GPMB năm 2020 (có danh mục dự án và diện tích GPMB cụ thể cho từng dự án trên địa bàn xã, thị trấn); báo cáo UBND huyện trong tháng 01 năm 2020.

- Hội đồng GPMB định kỳ hàng tuần, hàng tháng phải tổ chức giao ban về công tác GPMB và báo cáo kết quả thực hiện về Chủ tịch UBND huyện.

- Các phòng, ban, đơn vị có liên quan phải tập trung giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong GPMB để thực hiện đảm bảo tiến độ các dự án; kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND huyện những vấn đề vượt thẩm quyền.

3. Về huy động nguồn lực đầu tư phát triển

3.1. Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì tham mưu ban hành văn bản chỉ đạo việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân nguồn vốn đầu tư công năm 2020 (xác định rõ thời gian, tỷ lệ giải ngân của từng loại dự án, nguồn vốn); báo cáo Chủ tịch UBND huyện trong tháng 02 năm 2020. Chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền khuyến khích các hộ kinh doanh cá thể, các chủ trang trại chuyển đổi mô hình kinh doanh theo hình thức doanh nghiệp; phấn đấu thực hiện vượt chỉ tiêu tỉnh giao thành lập doanh nghiệp mới năm 2020.

3.2. Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị liên quan, tham mưu xây dựng Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2020 để tổ chức đấu giá các khu đất có đủ điều kiện theo quy định; báo cáo Chủ tịch UBND huyện trước ngày 15/3/2020. Tổ chức công khai rộng rãi các quy hoạch, kế hoạch và cơ chế, chính sách của trung ương, của tỉnh, của huyện, nhất là kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển đô thị để các doanh nghiệp biết và đầu tư.

3.3. Các phòng, ban, đơn vị tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính; phấn đấu rút ngắn ít nhất 1/3 thời gian giải quyết so với quy định đối với thủ tục hành chính liên quan đến thuê đất, đầu tư kinh doanh của cá nhân và doanh nghiệp.

3.4. Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì, phối hợp với Ban quản lý dự án

đầu tư xây dựng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị liên quan, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm như: hạ tầng KĐT M Sao Mai Minh Sơn - Thị trấn; khu dân cư mới kết hợp DV-TM tổng hợp tại Đô thị Nura; tuyến đường tỉnh lộ 514 đoạn cầu Thiệu đi cầu Nhôm...; đồng thời, huy động các nguồn đóng góp của nhân dân cùng với ngân sách của tỉnh, huyện, xã phấn đấu cứng hóa thêm 20 km đường giao thông nông thôn, nâng tỷ lệ đường GTNT được cứng hóa lên 97%, trong đó cần chú trọng đến việc quy hoạch mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn. Tăng cường quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng; thực hiện có hiệu quả việc ủy thác quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình do xã làm chủ đầu tư; xử lý nghiêm các sai phạm trong đầu tư xây dựng cơ bản.

4. Về phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã

4.1. Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị, xây dựng kế hoạch tập huấn Luật doanh nghiệp và các quy định có liên quan cho các chủ doanh nghiệp gắn với chương trình đào tạo khởi sự doanh nghiệp và bồi dưỡng doanh nhân năm 2020; báo cáo Chủ tịch UBND huyện trước ngày 20/02/2020.

4.2. Các phòng, ban, đơn vị, tổ chức triển khai thực hiện kịp thời các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã đã được ban hành, nhất là chính sách hỗ trợ vay vốn sản xuất kinh doanh và nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác có hiệu quả.

4.3. Giao chỉ tiêu cụ thể về thành lập mới 80 doanh nghiệp trong năm 2020 cho các xã, thị trấn, chi tiết tại Phụ lục số 06 kèm theo Kế hoạch này. Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện của các xã, thị trấn.

IV. VỀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI VÀ QUẢN LÝ QUY HOẠCH, TRẬT TỰ XÂY DỰNG

1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

- Tham mưu hoàn thành Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng, mở rộng đô thị Gồm đến năm 2040, báo cáo UBND huyện trong tháng 01 năm 2020.

- Tham mưu hoàn thành Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Dân Lực - Dân Lý - Dân Quyền (quy mô 75ha); báo cáo UBND huyện trong tháng 02 năm 2020.

- Lập quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm công nghiệp Hợp Thắng (quy mô 70 ha); Đô thị Nura (quy mô 20 ha); báo cáo UBND huyện trong tháng 3 năm 2020.

- Lập Quy hoạch đô thị Đà, Thiệu, Sim; báo cáo UBND, Chủ tịch UBND huyện.

- Tham mưu chỉ đạo phát triển đô thị của huyện trong năm 2020 đạt tỷ 11,89%, chi tiết tại Phụ lục số 14 kèm theo Kế hoạch này.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện ban hành chỉ thị về việc chấn chỉnh và tăng cường công tác quản lý đất đai, quản lý trật tự xây dựng và khai thác tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn trong tháng 02 năm 2020.

V. TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Toàn huyện phấn đấu thu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 381.970 triệu đồng, giao chỉ tiêu chi tiết cho các xã, thị trấn tại Phụ lục số 16 kèm theo Kế hoạch này.

2. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, tham mưu thực hiện các giải pháp thu ngân sách, đảm bảo vượt dự toán thu năm 2020; đồng thời, tăng cường quản lý sử dụng ngân sách nhà nước, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm.

3. Chi cục thuế, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị liên quan, tham mưu biện pháp thu hồi các khoản nợ đọng thuế doanh nghiệp; báo cáo UBND huyện trong tháng 02 năm 2020.

VI. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Về khoa học và công nghệ

Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất và đời sống nhằm nâng cao năng suất lao động, tiến độ giải quyết công việc và chất lượng sản phẩm.

2. Về giáo dục và đào tạo

2.1. Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, thị trấn, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giữ vững thành tích giáo dục mũi nhọn; tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục gắn với thực hiện tốt chính sách xã hội hóa giáo dục mầm non. Giao chỉ tiêu cụ thể về xây dựng trường chuẩn quốc gia tại Phụ lục số 17 kèm theo Kế hoạch này.

2.2. Phòng Nội vụ phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu tuyển dụng, bố trí, luân chuyển giáo viên, khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ ở các trường; báo cáo Chủ tịch UBND huyện.

2.3. Phòng Phòng Lao động - TB và XH chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm GDNN - GDTX tham mưu tổ chức tốt công tác đào tạo nghề, với yêu cầu các lao động sau khi được đào tạo nghề phải có khả năng thích ứng với nhu cầu của thị trường lao động hiện nay.

3. Về y tế

3.1. Phòng Y tế, tham mưu chỉ đạo đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động y dược trên địa bàn; xây dựng và nâng cao chất lượng các tiêu chí đạt chuẩn quốc gia về y tế ở cơ sở; thực hiện quyết liệt, hiệu quả công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm gắn với tiêu chí xây dựng NTM. Phấn đấu

100% xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn VSATTP trong năm 2020; giao chỉ tiêu xây dựng xã đạt chuẩn quốc gia về y tế tại Phụ lục số 18 kèm theo Kế hoạch.

3.2 Bệnh viện đa khoa huyện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào chẩn đoán, điều trị bệnh; tăng cường chuyển giao kỹ thuật chuyên sâu vào khám chữa bệnh phục vụ nhân dân.

3.3 Trung tâm Y tế, thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động Trạm y tế xã, thị trấn; tăng cường công tác y tế dự phòng, không để dịch lớn xảy ra.

3.4. Phần đầu đạt tỷ lệ 90% dân số tham gia BHYT trong năm 2020. Giao chỉ tiêu cụ thể cho các xã, thị trấn tại Phụ lục số 09 kèm theo Kế hoạch này. Bảo hiểm Xã hội huyện, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ báo cáo UBND huyện kết quả thực hiện của các xã, thị trấn.

4. Về văn hóa, thể thao

4.1. Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND các xã, thị trấn, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao quần chúng; chất lượng hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở; đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới. Tham mưu thực hiện tốt các hoạt động văn hóa, thể thao, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở.

4.2. Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao và Du lịch chủ trì, tham mưu thực hiện tốt công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa gắn với phát triển du lịch. Xây dựng Phương án quản lý và phát huy giá trị khu di tích Núi Nưa - Đền Nưa - Am Tiên, báo cáo UBND huyện trong tháng 4 năm 2020. Xây dựng Kế hoạch tổ chức lễ hội Am Tiên năm 2021 đảm bảo tôn nghiêm, trang trọng, phù hợp truyền thống văn hóa, lành mạnh, an toàn và tiết kiệm; báo cáo UBND, Chủ tịch UBND huyện vào đầu quý 3 năm 2020.

4.3. Giao chỉ tiêu cụ thể về thôn, tổ dân phố, khu dân cư, gia đình văn hóa năm 2020 tại Phụ lục số 08 kèm theo Kế hoạch này. Phòng Văn hóa và Thông tin hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và báo cáo UBND huyện kết quả thực hiện của các xã, thị trấn.

VII. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO

1. Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội, UBND xã, thị trấn thực hiện tốt công tác điều tra, rà soát, thu thập thông tin và cập nhật thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều.

2. Các Phòng: Văn hóa và Thông tin, Y tế, Kinh tế và Hạ tầng, Nông nghiệp và PTNT, Giáo dục và Đào tạo, xây dựng kế hoạch đẩy mạnh tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân đối với các lĩnh vực được phân công; phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả.

3. Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo của huyện trong năm 2,18%; giao chỉ

tiêu cho các xã, thị trấn tại Phụ lục số 07 kèm theo Kế hoạch này. UBND các xã, thị trấn khẩn trương xây dựng Kế hoạch giảm nghèo chi tiết đến từng hộ gia đình để triển khai tổ chức thực hiện. Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn và báo cáo UBND huyện kết quả thực hiện của các xã, thị trấn.

VIII. VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KIỂU MẪU

1. Phòng Nông nghiệp và PTNT, UBND các xã, thị trấn, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng NTM của tỉnh, của huyện.

2. Phần đầu 09 xã đạt chuẩn NTM năm 2020, 01 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 01 thôn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; giao chỉ tiêu chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo Kế hoạch này. Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM huyện xây dựng Kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện; báo cáo Chủ tịch UBND huyện trong tháng 01 năm 2020.

3. Phần đầu 19 cơ quan, đơn vị đạt tiêu chí kiểu mẫu năm 2020; chi tiết tại Phụ lục số 10 kèm theo Kế hoạch này. Trên cơ sở chỉ tiêu được giao, Phòng Nội vụ xây dựng Kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện, báo cáo UBND huyện trong tháng 01 năm 2020; định kỳ báo cáo UBND huyện kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị.

IX. VỀ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Về an toàn thực phẩm

1.1. Các cơ quan đơn vị, các xã, thị trấn tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện.

1.2. Giao chỉ tiêu cụ thể về thực hiện các mô hình chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn trên địa bàn huyện năm 2020 cho các xã, thị trấn tại Phụ lục số 05 (gồm: Chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; sản lượng thực phẩm tiêu dùng thiết yếu thông qua chuỗi; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm an toàn thực phẩm; chợ kinh doanh thực phẩm an toàn; số cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn; bếp ăn tập thể đảm bảo an toàn thực phẩm) và giao chỉ tiêu sản phẩm nông nghiệp an toàn trên địa bàn huyện năm 2020 tại Phụ lục số 04 kèm theo Kế hoạch này. Văn phòng Điều phối VSATTP huyện hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện của các xã, thị trấn; định kỳ báo cáo UBND huyện.

2. Về bảo vệ môi trường

2.1. Các địa phương, đơn vị tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tăng cường kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường thuộc trách nhiệm, địa bàn địa phương, đơn vị quản lý.

2.2. Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả công tác thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa

bàn huyện.

2.3. Giao chỉ tiêu cụ thể về tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý cho các xã, thị trấn tại Phụ lục số 12 kèm theo Kế hoạch này. Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện của các xã, thị trấn; định kỳ, báo cáo UBND huyện.

X. ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

1. Các lực lượng vũ trang chủ động nắm chắc tình hình để kịp thời xử lý các tình huống, không để bị động, bất ngờ, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; tăng cường đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tin dụng đen, ma túy...

2. Giao chỉ tiêu cụ thể về tỷ lệ thôn, khu phố đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự cho các xã, thị trấn tại Phụ lục số 13 kèm theo Kế hoạch này. Giao Công an huyện hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện của các xã, thị trấn; định kỳ, báo cáo UBND huyện.

3. Công an huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp bảo đảm an toàn giao thông, quản lý hành lang an toàn giao thông; kiểm soát chặt chẽ tải trọng xe ô tô, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Giao Công an huyện chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, báo cáo UBND huyện kết quả thực hiện của các xã, thị trấn.

XI. TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY; NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Phòng Nội vụ chủ trì, tham mưu kiện toàn, sắp xếp công tác cán bộ các cấp sau Đại hội Đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2020 - 2025; báo cáo Chủ tịch UBND huyện. Tiếp tục tham mưu quản lý chặt chẽ công tác tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước; tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình. Tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện phê bình hoặc đề xuất hình thức kỷ luật đối với tập thể, cá nhân các phòng, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn nếu để xảy ra sai phạm trong công tác quản lý, điều hành nhiệm vụ năm 2020.

2. Văn phòng HĐND và UBND huyện chủ trì, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo của tỉnh, thực hiện Quy chế làm việc của UBND huyện, nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Chương trình công tác của UBND huyện năm 2020; đề xuất phê bình, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các phòng, ban, đơn vị, thực hiện chậm trễ, chất lượng tham mưu thấp, sai quy định pháp luật, gắn với xử lý trách nhiệm của người đứng đầu phòng, ban, cơ quan, đơn vị.

3. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác quản lý đất đai, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, ô nhiễm môi trường, khai thác tài nguyên trái phép; Phòng Tài chính - Kế hoạch xây dựng Kế hoạch kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công, phát triển doanh nghiệp; Phòng Nông nghiệp và PTNT xây dựng Kế hoạch kiểm tra

việc thực hiện công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai; Phòng Kinh tế và Hạ tầng xây dựng Kế hoạch kiểm tra đánh giá chất lượng thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn; Văn phòng Điều phối VSATTP xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác bảo đảm VSATTP. Các ngành, đơn vị xây dựng Kế hoạch công tác năm 2020 của đơn vị mình; báo cáo UBND, Chủ tịch UBND huyện trước ngày 15/02/2020.

XII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trưởng các phòng, ban, đơn vị cấp huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn căn cứ Kế hoạch này, ban hành Kế hoạch hành động của phòng, ban, đơn vị, địa phương mình để thực hiện. Đối với các chỉ tiêu chủ yếu, phải xây dựng Kế hoạch chi tiết, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và phân công cụ thể cho tập thể, cá nhân liên quan; đồng thời, tập trung chỉ đạo quyết liệt, đảm bảo thực hiện theo đúng tiến độ và thời gian quy định.

2. Các phòng, ban, đơn vị cấp huyện, UBND các xã, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm theo dõi và định kỳ báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu vào ngày 15 của tháng cuối quý, gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch để tổng hợp, báo cáo UBND, Chủ tịch UBND huyện.

3. Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn chủ động triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ thuộc phòng, ban, đơn vị mình, địa phương mình; nắm chắc tình hình thực hiện các chỉ tiêu được giao và đề xuất với UBND huyện có giải pháp để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu được Huyện ủy, HĐND huyện đã quyết nghị. Các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn không hoàn thành chỉ tiêu được giao, người đứng đầu phải chịu trách nhiệm trước UBND, Chủ tịch UBND huyện.

4. Văn phòng HĐND và UBND huyện thường xuyên đôn đốc, kiểm tra các phòng, ban, đơn vị cấp huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện các công việc được giao đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định; định kỳ báo cáo Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện kết quả thực hiện và kiến nghị với Chủ tịch UBND huyện xử lý trách nhiệm của người đứng đầu các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn không thực hiện nghiêm chỉ đạo của UBND, Chủ tịch UBND huyện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vũ Đức Kính

Phụ biểu số 01:

GIÁO CHỈ TIÊU TÍCH TỤ, TẬP TRUNG ĐẤT ĐÈ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP QUY MÔ LỚN, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của UBND huyện)

TT	Đơn vị	Tổng (ha)	Trong đó			Ghi chú
			Trồng trọt	Chăn nuôi	Lâm nghiệp	
Tổng		370	240	30	100	0
1	Đồng Thắng	10.0	10			
2	Đồng Tiến	10.0	10			
3	Đồng Lợi	5.0	5			
4	Khuyến Nông	5.0	5			
5	Tiến Nông	10.0	10			
6	Dân Lý	10.0	10			
7	Thị trấn Nưa	20.0	10		10	
8	Thái Hòa	25.0	10	5	10	
9	Vân Sơn	25.0	10	5	10	
10	Nông Trường	10.0	10			
11	An Nông	10.0	10			
12	Thị Trấn Triệu Sơn	10.0	10			
13	Minh Sơn	5.0	5			
14	Dân Lực	5.0	5			
15	Dân Quyền	10.0	10			
16	Xuân Lộc	5.0	5			
17	Xuân Thịnh	5.0	5			
18	Thọ Vực	10.0	10			
19	Thọ Phú	10.0	10			
20	Xuân Thọ	10.0	10			
21	Thọ Cường	5.0	5			
22	Thọ Ngọc	15.0	10	5		
23	Thọ Tân	5.0	5			
24	Thọ Thế	5.0	5			
25	Thọ Dân	10.0	10			
26	Thọ Tiến	15.0	10		5	
27	Thọ Sơn	15.0		5	10	
28	Thọ Bình	20.0		5	15	
29	Bình Sơn	15.0			15	
30	Hợp Thắng	10.0	5		5	
31	Hợp Thành	15.0	10		5	
32	Triệu Thành	10.0		5	5	
33	Hợp Lý	10.0	5		5	
34	Hợp Tiến	10.0	5		5	

Phụ lục số 02:

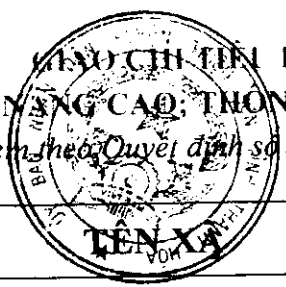
GIỚI THIỆU CÁC LOẠI RAU VÀ CÁC LOẠI QUẢ ĐẠT TRỒNG LU A SANG TRỒNG CÂY KHÁC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của UBND huyện)

TT	Đơn vị	Rau các loại	Ớt xuất khẩu	Trồng lúa kết hợp Nuôi trồng thủy sản	Trồng cỏ chăn nuôi	Hoacây cảnh	Cây ăn quả, cây dược liệu	Cây khác	Tổng DT chuyển đổi hàng năm (ha)	
Tổng		167	121	8	242	28	15	25	109	715
1	Đồng Thăng	8	2		2.0		2	1	15.0	
2	Đồng Tiến	8	2		9.0		1	2	22.0	
3	Đồng Lợi	9	2		4.0	1	2	3	23.0	
4	Khuyến Nông	4	5		5.0	1	2	1	18.0	
5	Tiến Nông	5	8		4.0	1	2	1	21.0	
6	Dân Lý	4	5	1	3.0			2	15.0	
7	Thị trấn Nưa	5	3		30.0	2		2	42.0	
8	Thái Hòa	5	4		5.0				14.0	
9	Vân Sơn		2		4.0	1	2	11	22.0	
10	Nông Trường	8	6		10.0		1		25.0	
11	An Nông	2	2		7.0			15	26.0	
12	Thị Trấn Tr.Sơn	4	6	0	4	0	1		16.0	
13	Minh Sơn	5	2		7.0	1			15.0	
14	Dân Lục	4	2	1	3.0			5	15.0	
15	Dân Quyền	9	7		23.0			1	40.0	
16	Xuân Lộc	2	3		3.0				8.0	
17	Xuân Thịnh	3	4		3.0	1			11.0	
18	Thọ Vực	5			3.0		3		11.0	
19	Thọ Phú	3	4			3		1	11.0	
20	Xuân Thọ	6	3		15.0	2			26.0	
21	Thọ Cường	3	5	2	5.0				15.0	
22	Thọ Ngọc	2	3		7.0			7	19.0	
23	Thọ Tân	3	2		20.0				25.0	
24	Thọ Thế	4	5		9.0	2		2	22.0	
25	Thọ Dân	6	4		5.0	1		3	19.0	
26	Thọ Tiến	5	4		6.0	1	1	2	19.0	
27	Thọ Sơn	5	4			1		4	14.0	
28	Thọ Bình	6	3			2		12	23.0	
29	Bình Sơn	1	3			1		3	8.0	
30	Hợp Thăng	10	5		14.0	2	3	4	38.0	
31	Hợp Thành	7	4		3.0		3	7	24.0	
32	Triệu Thành	5	3	2	3.0		3	10	26.0	
33	Hợp Lý	4	2		10.0	3	6	6	31.0	
34	Hợp Tiến	7	2	2	16.0	2	3	4	36.0	

Phụ lục số 03:

**KHO CHỈ TIÊU PHÂN ĐÁU XÃ ĐẠT CHUẨN NTM, NTM
NÂNG CAO, THÔN ĐẠT CHUẨN NTM KIỂU MẪU NĂM 2020**
(Kèm theo Quyết định số 99 /QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND huyện)



TT	TÊN XÃ	Ghi chú
I	XÃ ĐẠT CHUẨN NTM (9 xã)	
1	Xã Tiên Nông	Giao năm 2020
2	Xã Hợp Thắng	Giao năm 2020
3	Xã Thọ Sơn	Giao năm 2020
4	Xã Hợp Lý	Giao năm 2020
5	Xã Thọ Tiến	Giao năm 2020
6	Xã Xuân Thịnh	Giao năm 2020
7	Xã Thọ Tân	Giao năm 2020
8	Xã Hợp Thành	Đã giao năm 2019, chưa hoàn thành
9	Xã Thọ Dân	Đã giao năm 2019, chưa hoàn thành
II	XÃ ĐẠT CHUẨN NTM NÂNG CAO (01 xã)	
1	Xã Đồng Tiến	
III	THÔN ĐẠT CHUẨN NTM KIỂU MẪU (01 thôn)	
1	Thôn Đồng Xá 1	

Phụ lục số 04:
GIẤC CHỈ TIÊU SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP AN TOÀN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NĂM 2020



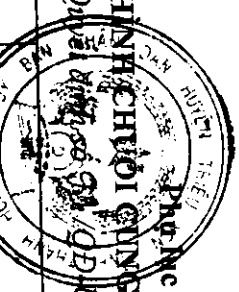
Số 1 KH-UBND ngày 01/2019 của UBND huyện

Đơn vị tính: Tàn

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu thực phẩm tiêu dùng chủ yếu thông qua chuỗi			
		Gạo	Rau, quả	Thịt gia súc, gia cầm	Thủy sản (tôm, cá)
1	Đông Thăng	600			
2	Đông Tiến	500			
3	Đông Lợi		150		
4	Khuyến Nông	700			
5	Tiền Nông		200		
6	Dân Lý	500	200		
7	Thái Hòa		150		
8	Vân Sơn			500	
9	Nông Trường		200	200	
10	Thị trấn Nưa		200		60
11	An Nông	700			
12	Thị Trấn	700		50	60
13	Minh Sơn		100		
14	Dân Lực	500			
15	Dân Quyền	500		500	
16	Xuân Lộc				60
17	Xuân Thịnh			500	
18	Thọ Vực	500			
19	Thọ Phú	700			
20	Xuân Thọ				50
21	Thọ Cường		100		
22	Thọ Ngọc				60
23	Thọ Tân		150		
24	Thọ Thế		150		
25	Thọ Dân	700		500	
26	Thọ Tiến				60
27	Thọ Sơn			500	
28	Thọ Bình	700			
29	Bình Sơn			50	
30	Hợp Thăng				50
31	Hợp Thành	700			
32	Triệu Thành			500	50
33	Hợp Lý		200		
34	Hợp Tiến				50
	Cộng	8,000	1,800	3,300	500

GIÁO NIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC MÔ HÌNH CHUỐI GIỮNG ỨNG DỤNG THỰC PHẨM AN TOÀN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của UBND huyện)



Phụ lục số 05:

TT	Tên đơn vị	Chỉ tiêu xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn				Chỉ tiêu thực phẩm tiêu dùng chủ yếu thông qua chuỗi (ĐVT: tấn)				Tỷ lệ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm An toàn thực phẩm	Chỉ tiêu xây dựng chợ kinh doanh thực phẩm	Chỉ tiêu cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn	Chỉ tiêu bếp ăn tập thể bảo đảm an toàn thực phẩm		Chỉ tiêu xây dựng xã, thị trấn an toàn thực phẩm
		Lúa gạo	Rau, quả	Thịt gia súc, gia cầm	Thủy sản	Gạo	Rau, quả	Thịt gia súc, gia cầm	Thủy sản tôm cá				Cấp huyện xã Công nhận	Sở Y tế Công nhận	
Tổng Cộng		13	11	9	9	8000	1800	3300	500	100%	11	21	02	02	25
1	Thị trấn	1		1	1	700		50	60	100%	01	02			X
2	Xã Dân Lực	1				500				100%	01	01		01	X
3	Xã Thọ Tân		1				150			100%		01			X
4	Xã Thọ Thế					700				100%	01				X
5	Xã Thọ Phú	1				700				100%		01			NC
6	Xã Thọ Vực	1				500				100%	01				X
7	Xã Xuân Lộc				1			500	60	100%		01			X
8	Xã Xuân Thịnh			1				500	50	100%					NC
9	Xã Xuân Thọ				1			500		100%	01				X
10	Xã Thọ Dân	1		1		700				100%					NC
11	Xã Thọ Cường		1				100		50	100%					NC
12	Xã Thọ Ngọc				1			500		100%		01			X
13	Xã Thọ Sơn			1						100%	01		01		X
14	Xã Thọ Bình	1				700				100%		01	01		X
15	Xã Bình Sơn			1				50	60	100%		01			X
16	Xã Thọ Tiến				1					100%	01	01			X
17	Xã Hợp Thành	1				700			50	100%		01			X
18	Xã Hợp Thắng				1					100%		01			X

STT	Tên đơn vị	Lúa gạo	Rau, quả	Thịt gia súc, gia cầm	Thủy sản	Gạo	Rau, quả	Thịt gia súc gia cầm	Thủy sản tôm cá	Tỷ lệ cơ sở gia súc, gia cầm An toàn thực phẩm	Chỉ tiêu xây dựng chợ kinh doanh thực phẩm	Chỉ tiêu cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn	Chỉ tiêu bếp ăn tập thể bảo đảm an toàn thực phẩm	Chỉ tiêu xây dựng xã, thị trấn an toàn thực phẩm
19	Nà Hợp Lý	1	200				200			100%		01		X
20	Nà Triệu Thành			1	1			500	50	100%		01		X
21	Nà Hợp Tiến				1				50	100%		01		X
22	Nà Đông Tiến	1				600				100%				NC
23	Nà Đông Hằng	1				600				100%		01		X
24	Nà Đông Lợi		150							100%				NC
25	Nà Khuyến nông	1				700				100%	01	01		X
26	Nà Tiến Nông		1				200			100%		01		X
27	Thị trấn Nưa		1		1		200		60	100%				NC
28	Nà Thái Hòa		1				150			100%		01		NC
29	Xã Nông Hương		1	1			200	200		100%	01			X
30	Nà Văn Sơn			1				500		100%	01			X
31	Nà An Nông	1				700				100%		01		X
32	Nà Minh Sơn		1				100			100%	01			X
33	Nà Dân Lý	1	1			500	200			100%				NC
34	Nà Dân Quyền	1		1		500		500		100%		01		x



Phụ lục số 06:

GIẢI THÍCH VIỆC THÀNH LẬP MỚI DOANH NGHIỆP NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 01/01/2020 của UBND huyện)

TT	Xã thị trấn	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
1	Thị trấn Triệu Sơn	11	
2	Thị trấn Nưa	5	
3	Đồng Tiến	3	
4	Đồng Lợi	3	
5	Đồng Thắng	3	
6	Khuyến Nông	2	
7	Tiến Nông	2	
8	Nông Trường	2	
9	Dân Lý	3	
10	Thái Hòa	2	
11	An Nông	2	
12	Vân Sơn	2	
13	Dân Lực	3	
14	Dân Quyền	3	
15	Thọ Vực	2	
16	Thọ Phú	2	
17	Xuân Lộc	1	
18	Xuân Thịnh	1	
19	Thọ Ngọc	1	
20	Thọ Thế	2	
21	Thọ Cường	1	
22	Thọ Sơn	2	
23	Thọ Bình	2	
24	Bình Sơn	1	
25	Thọ Tiến	1	
26	Hợp Tiến	2	
27	Hợp Thành	3	
28	Hợp Thắng	2	
29	Hợp Lý	2	
30	Xuân Thọ	2	
31	Thọ Tân	1	
32	Minh Sơn	2	
33	Thọ Dân	3	
34	Triệu Thành	1	
	Tổng cộng	80	



Phụ lục số 07:

CHỈ TIÊU GIẢM HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 01/2020 của UBND huyện Triệu Sơn)

Số TT	Đơn vị	Hộ nghèo				Hộ cận nghèo		
		Tổng số hộ tự nhiên	Số hộ đầu năm	Số hộ giảm trong năm 2020	Tỷ lệ giảm (%)	Số hộ đầu năm	Số hộ giảm trong năm 2020	Tỷ lệ giảm (%)
Tổng cộng		59,360	1,825	1,308	2.20	4,241	795	1.34
1	Thị Trấn	4,208	75	68	1.62	118	7	0.17
2	Thọ Sơn	1,288	46	32	2.48	61	15	1.16
3	Thọ Bình	2,204	306	200	9.07	115	30	1.36
4	Thọ Tiên	1,630	74	60	3.68	129	30	1.84
5	Hợp Lý	1,555	50	32	2.06	155	30	1.93
6	Hợp Tiên	1,110	21	21	1.89	57	15	1.35
7	Hợp Thành	1,782	42	26	1.46	152	23	1.29
8	Triệu Thành	1,647	220	170	10.32	375	25	1.52
9	Hợp Thăng	1,755	61	35	1.99	132	30	1.71
10	Minh Sơn	1,444	41	32	2.22	66	25	1.73
11	Dân Lực	2,012	21	18	0.89	65	20	0.99
12	Dân Lý	2,253	28	28	1.24	99	30	1.33
13	Dân Quyền	2,702	53	35	1.30	334	50	1.85
14	An Nông	1,532	37	15	0.98	65	20	1.31
15	Vân Sơn	1,984	67	30	1.51	143	25	1.26
16	Thái Hòa	2,101	42	23	1.09	247	35	1.67
17	Thị trấn Nưa	2,788	37	32	1.15	129	20	0.72
18	Đông Lợi	1,801	12	12	0.67	212	30	1.67
19	Đông Tiên	2,196	22	18	0.82	124	20	0.91
20	Đông Thăng	1,414	10	10	0.71	19	5	0.35
21	Tiên Nông	1,511	28	23	1.52	116	30	1.99
22	Khuyên Nông	1,768	51	49	2.77	183	43	2.43
23	Xuân Thịnh	1,353	28	17	1.26	60	15	1.11
24	Xuân Lộc	1,140	25	20	1.75	77	20	1.75
25	Thọ Dân	1,857	45	32	1.72	152	35	1.88
26	Xuân Thọ	1,328	26	23	1.73	159	25	1.88
27	Thọ Tân	1,283	23	23	1.79	56	10	0.78
28	Thọ Ngọc	1,878	36	16	0.85	60	15	0.80
29	Thọ Cường	1,230	24	19	1.54	62	25	2.03
30	Thọ Phú	1,368	34	18	1.32	113	27	1.97
31	Thọ Vực	1,237	33	30	2.43	63	10	0.81
32	Thọ Thê	1,355	13	10	0.74	122	25	1.85
33	Nông Trường	1,881	31	31	1.65	76	20	1.06
34	Bình Sơn	765	163	100	13.07	145	10	1.31

Phụ lục số 8:
**GIÁO CHỨC XÂY DỰNG DANH HIỆU THÔN, TỔ DÂN PHỐ
 VÀ CÔNG NHẬN DANH HIỆU KHU DÂN CƯ VĂN HÓA, GIA ĐÌNH VĂN HÓA NĂM 2020**
 (Kèm theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND huyện)

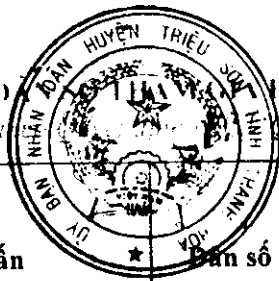


TT	Địa phương	Khu dân cư văn hóa (Theo tỷ lệ phần trăm tổng số thôn, bản, tổ dân phố)				Gia đình văn hóa		Ghi chú
		Đăng ký xây dựng danh hiệu		Công nhận danh hiệu		Đăng ký xây dựng danh hiệu	Công nhận danh hiệu	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)	
1	Thị trấn	14	100	14	100	90	85	
2	Thọ Tân	6	100	6	100	85	75	
3	Dân Lý	8	100	8	100	85	75	
4	Thọ Dân	7	100	7	100	85	75	
5	Bình Sơn	4	80	4	80	70	65	
6	Vân Sơn	8	100	8	100	85	80	
7	Xuân Thịnh	3	75	3	75	80	70	
8	Minh Sơn	7	100	7	100	85	80	
9	Thọ Phú	6	100	6	100	85	80	
10	Hợp Thắng	7	100	7	100	85	80	
11	Hợp Thành	7	100	7	100	80	70	
12	Thái Hòa	10	100	10	100	85	80	
13	Thọ Ngọc	9	100	9	100	85	80	
14	Hợp Lý	5	83	5	83	80	70	
15	Thọ Vực	7	100	7	100	90	85	
16	Đồng Tiến	10	100	10	100	85	80	
17	Nông Trường	5	100	5	100	80	70	
18	Thọ Bình	10	71	10	71	70	60	
19	Thọ Tiến	5	83	5	83	80	70	
20	Hợp Tiến	5	100	5	100	80	70	
21	Đồng Lợi	6	100	6	100	85	80	
22	Thọ Sơn	6	75	6	75	75	65	
23	Đồng Thắng	5	100	5	100	85	80	
24	Thị trấn Nưa	11	100	11	100	85	80	
25	Dân Lực	8	100	8	100	85	80	
26	Triệu Thành	8	80	8	60	75	65	
27	Dân Quyền	10	100	10	100	85	80	
28	Thọ Thế	6	100	6	100	85	80	
29	Xuân Lộc	4	100	4	100	85	75	
30	An Nông	7	100	7	100	85	80	
31	Tiến Nông	5	71	5	71	80	75	
32	Khuyến Nông	9	100	9	100	85	80	
33	Xuân Thọ	5	100	5	100	85	80	
34	Thọ Cường	7	100	7	100	85	75	

Phụ lục số 09

GAO CHI TIẾT ĐÓNG BẢO HIỂM Y TẾ TRÊN TỔNG SỐ DÂN SỐ NĂM 2019

Kèm theo Quyết định UBND ngày 01/2020 của UBND huyện



TT	Xã, thị trấn	Dân số	Dự kiến dân số năm 2020 (người)	Dân số tham gia BHYT năm 2020 (người)	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT năm 2020 (%)	Ghi chú
	Toàn huyện	202,386	203,398	184,540	91	-
1	Thị Trấn Triệu Sơn	15,350	15,450	13,835	90	
2	Thị Trấn Nưa	8,718	8,788	7,866	90	
3	Minh Sơn	4,723	4,753	4,261	90	
4	Hợp Thắng	6,131	6,153	5,518	90	
5	Hợp Lý	5,654	5,674	5,089	90	
6	Hợp Tiến	3,529	3,549	3,186	90	
7	Hợp Thành	6,322	6,342	5,690	90	
8	Thọ Bình	7,525	7,565	7,565	100	
9	Thọ Tiến	4,680	4,700	4,212	90	
10	Thọ Tân	4,564	4,584	4,108	90	
11	Thọ Thế	4,562	4,582	4,106	90	
12	Thọ Vực	4,582	4,602	4,124	90	
13	Thọ Phú	3,849	3,869	3,464	90	
14	Thọ Dân	6,454	6,474	5,809	90	
15	Thọ Ngọc	7,213	7,243	6,492	90	
16	Thọ Cường	3,899	3,919	3,509	90	
17	Xuân Thọ	4,238	4,258	3,814	90	
18	Xuân Thịnh	4,219	4,239	3,797	90	
19	Xuân Lộc	3,319	3,339	2,997	90	
20	Dân Lực	6,584	6,604	5,926	90	
21	Dân Lý	8,375	8,435	7,558	90	
22	Dân Quyền	8,773	8,833	7,906	90	
23	Tiên Nông	4,944	4,964	4,450	90	
24	Khuyến Nông	5,536	5,556	4,982	90	
25	Nông Trường	5,261	5,281	4,735	90	
26	An Nông	5,535	5,555	4,982	90	
27	Vân Sơn	6,082	6,102	5,474	90	
28	Thái Hòa	8,544	8,594	7,700	90	
29	Đông Thắng	4,809	4,829	4,328	90	
30	Đông Tiên	8,048	8,108	7,263	90	
31	Đông Lợi	6,276	6,306	5,648	90	
32	Triệu Thành	5,982	6,002	6,002	100	
33	Thọ Sơn	5,053	5,073	5,073	100	
34	Bình Sơn	3,053	3,073	3,073	100	

Phụ lục số 10:

GIAO CHỈ TIÊU XÂY DỰNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐẠT TIÊU CHỈ TIÊU MẪU NĂM 2020
 Quyết định số 89 /QĐ-UBND ngày 01/2020 của UBND huyện



TT	Tên đơn vị	Đơn vị tính	Chỉ tiêu giao năm 2020	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Khối giáo dục Đào tạo	Đơn vị	12	Tháng 7/2020	
2	Khối cơ quan xã gồm	Đơn vị	7	Tháng 12/2020	
2.1	Cơ quan Thị Trấn Nưa	Đơn vị		Tháng 12/2020	
2.2	Cơ quan xã Minh Sơn	Đơn vị		Tháng 12/2020	
2.3	Cơ quan xã Thái Hòa	Đơn vị		Tháng 12/2020	
2.4	Cơ quan xã Thọ Vực	Đơn vị		Tháng 12/2020	
2.5	Cơ quan xã Đông Tiến	Đơn vị		Tháng 12/2020	
2.6	Cơ quan xã An Nông	Đơn vị		Tháng 12/2020	
2.7	Cơ quan xã Đông Thắng	Đơn vị		Tháng 12/2020	
	Tổng cộng		19		

Phụ lục số 11:

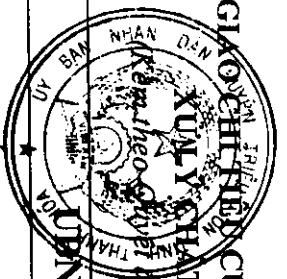


**GIẢI THÍCH TIÊU CỤ THỂ CHO CÁC NGÀNH, ĐƠN VỊ ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC
GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NĂM 2020**
(Kèm theo Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của UBND huyện)

Stt	Các phòng ban, cơ sở, thị trấn	Tổng số dự án	Tổng diện tích GPMB (ha)	Dự án nhà nước thu hồi đất		Dự án chủ đầu tư tự	
				Số dự án	Tổng diện tích (ha)	Số dự án	Tổng diện tích (ha)
1	Hội đồng GPMB của huyện tiến hành kiểm kê đất đai, vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất; lập phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư; niêm yết công khai, tổ chức lấy ý kiến về phương án; trình thẩm định và phê duyệt phương án; tổ chức chi trả tiền bồi thường GPMB cho các đối tượng bị ảnh hưởng theo phương án được duyệt đối với dự án Nhà nước thu hồi đất và đối dự án nhà đầu tư tự thỏa thuận mà có diện tích UBND xã quản lý.	90	229,21	82	182,19	8	47,03
3	Phòng Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án Nhà nước thu hồi đất và đối dự án nhà đầu tư tự thỏa thuận mà có diện tích UBND xã quản lý.	90	229,21	82	182,19	8	47,03
4	UBND các xã, thị trấn bố trí nhân lực tham gia nhiệm vụ cùng hội đồng BTGPMB đối với các dự án thực hiện trên địa bàn; tổ chức công bố công khai và niêm yết các loại hồ sơ, văn bản có liên quan đến dự án, chính sách áp dụng để bồi thường giải phóng mặt bằng.						

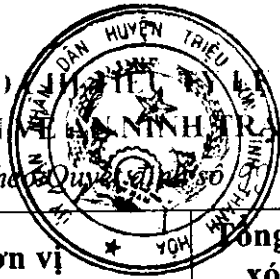
Phụ lục số 12:

**GIẢI THỂ CÁC THẺ CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC THU GOM,
XUẤT KHẨU THAI RÀN SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2020**
(Kèm theo Quyết định số 99 /QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của UBND huyện)



Stt	UBND các xã, thị trấn	Kế hoạch năm 2020
1	Thị trấn Triệu Sơn, thị trấn Nưa	100 %
2	Các xã Dân Lực, Thái Hòa, Thọ Phú, Thọ Vực, Thọ Thề, Dân Lý, Dân Quyền, Văn Sơn, An Nông, Minh Sơn, Thọ Ngọc, Đông Tiến, Đông Thăng, Đông Lợi, Thọ Cường, Xuân Thọ, Khuyến Nông	90 %
3	Thọ Dân, Thọ Tân, Hợp Tiến, Hợp Lý, Thọ Tiến, Hợp Thành, Nông Trường, Xuân Lộc, Xuân Thịnh, Tiến Nông	85%
4	Triệu Thành, Thọ Bình, Bình Sơn, Thọ Sơn	69%

Phụ lục số 13:
**GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÔN, KHU PHỐ ĐẠT TIÊU CHUẨN AN
 TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG TỰ NĂM 2020 CHO CÁC XÃ, THỊ TRẤN**
 (Kèm theo Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của UBND huyện)



STT	Đơn vị	Đông số thôn, xóm, phố	Chỉ tiêu năm 2020	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Thị trấn Triệu Sơn	14	10	71,4	
2	Minh Sơn	7	5	71,4	
3	Dân Lý	8	6	75	
4	Dân Quyền	10	7	70	
5	Dân Lực	8	6	75	
6	Xuân Thịnh	4	3	75	
7	Xuân Lộc	4	3	75	
8	Xuân Thọ	5	4	80	
9	Đồng Thắng	5	4	80	
10	Đồng Lợi	6	4	66,6	
11	Đồng Tiên	10	7	70	
12	Hợp Tiên	5	4	80	
13	Hợp Lý	6	4	83,3	
14	Hợp Thành	7	5	71,4	
15	Hợp Thắng	7	5	71,4	
16	An Nông	7	5	71,4	
17	Nông Trường	5	4	80	
18	Tiến Nông	7	5	71,4	
19	Khuyến Nông	9	6	66,6	
20	Thị Trấn Nưa	11	8	72,7	
21	Thái Hòa	10	7	70	
22	Vân Sơn	8	6	75	
23	Bình Sơn	5	4	80	
24	Triệu Thành	10	7	70	
25	Thọ Sơn	8	6	75	
26	Thọ Bình	14	10	71,4	
27	Thọ Tiên	6	4	83,3	
28	Thọ Tân	6	4	83,3	
29	Thọ Dân	7	5	71,4	
30	Thọ Cường	7	5	71,4	
31	Thọ Ngọc	9	6	66,6	
32	Thọ Thế	6	4	66,6	
33	Thọ Vực	7	5	66,6	
34	Thọ Phú	6	4	66,6	
Tổng số		254	185	72,8	




Phụ lục số 14:

GIẢI NHÌM VỤ VỀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của UBND huyện)

Tình giao chỉ tiêu:

Huyện Triệu Sơn: Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Minh Dân (3,21 km², 3.479 người), xã Minh Châu (3,49 km², 4.731 người) vào thị trấn Triệu Sơn (1,80 km², 7.140 người). Sau khi sắp xếp thị trấn Triệu Sơn có diện tích tự nhiên 8,50 km², dân số 15.350 người. Thành lập Thị trấn Nưa trên cơ sở nguyên trạng xã Tân Ninh có diện tích tự nhiên 21,20 km², dân số 8.718 người; tổng dân số đô thị trên địa bàn 24.068 người/dân số toàn huyện 202.386 người. Tỷ lệ đô thị hóa 11,89%.

Giao phòng Kinh tế - Hạ tầng tham mưu chỉ đạo thực hiện./.



Phụ lục 15:

GIẢI CHI TIẾT CỤ THỂ VỀ TỶ LỆ TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT HỒ SƠ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3, MỨC ĐỘ 4 ĐỐI VỚI CẤP HUYỆN VÀ SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ ĐỐI VỚI CẤP XÃ NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 99 /QĐ-UBND ngày 01/01/2020 của UBND huyện)

1. Đối với phòng, ban, đơn vị cấp huyện

a) Tối thiểu 30% hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3 trong tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (gồm cả trực tuyến, trực tiếp và qua bưu chính) của các dịch vụ công mức độ 3 thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị.

b) Tối thiểu 10% hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 4 trong tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (gồm cả trực tuyến, trực tiếp và qua bưu của các dịch vụ công mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị.

2. Đối với UBND các xã, Thị trấn

100% thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông;
100% xã đưa phần mềm một cửa điện tử vào thực hiện.

Phụ lục số 16:

GIÁO CHỈ TIÊU THU VÀ AN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2020



Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 01/2020 của UBND huyện

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Xã, thị trấn	Chi tiêu thu năm 2020	Ghi chú
	Toàn huyện	381,970	Tính giao
1	Thị Trấn Triệu Sơn	119,641	
2	Thị Trấn Nưa	17,302	
3	Minh Sơn	4,395	
4	Hợp Thắng	7,086	
5	Hợp lý	6,211	
6	Hợp Tiến	2,872	
7	Hợp Thành	20,466	
8	Thọ Bình	1,973	
9	Thọ Tiến	2,430	
10	Thọ Tân	2,379	
11	Thọ Thế	15,362	
12	Thọ Vực	10,323	
13	Thọ Phú	3,789	
14	Thọ Dân	9,284	
15	Thọ Ngọc	4,805	
16	Thọ Cường	5,069	
17	Xuân Thọ	3,960	
18	Xuân Thịnh	1,527	
19	Xuân Lộc	4,847	
20	Dân Lực	9,143	
21	Dân Lý	21,639	
22	Dân Quyền	6,623	
23	Tiến Nông	4,775	
24	Khuyến Nông	6,244	
25	Nông Trường	16,974	
26	An Nông	15,807	
27	Vân Sơn	5,297	
28	Thái Hòa	6,403	
29	Đồng Thắng	8,732	
30	Đồng Tiến	7,894	
31	Đồng Lợi	16,770	
32	Triệu Thành	5,289	
33	Thọ Sơn	5,515	
34	Bình Sơn	1,146	



Phụ lục số 17:

GIAO NHIỆM VỤ VÀ AN DÙNG TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 01/01/2020 của UBND huyện)

TT	Đơn vị	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Trường MN Thọ Sơn	Tháng 11/2020	Công nhận mới
2	Trường MN Thọ Tân	Tháng 11/2020	
3	Trường MN Hợp Lý	Tháng 11/2020	
4	Trường MN Nông Trường	Tháng 11/2020	
5	Trường TH Thọ Tiến	Tháng 4/2020	
6	Trường TH và THCS Xuân Thịnh	Tháng 11/2020	
7	Trường TH và THCS Thọ Phú	Tháng 11/2020	
8	Trường THCS Tiến Nông	Tháng 11/2020	
9	Trường THCS Hợp Lý	Tháng 11/2020	
10	Trường MN Đồng Thắng	Tháng 11/2020	Công nhận lại, công nhận ở mức độ cao hơn
11	Trường MN Minh Sơn	Tháng 11/2020	
12	Trường MN Thọ Phú	Tháng 11/2020	
13	Trường MN Thọ Vực	Tháng 11/2020	
14	Trường MN Vân Sơn	Tháng 11/2020	
15	Trường TH Hợp Lý	Tháng 11/2020	
16	Trường TH Thọ Tân	Tháng 11/2020	
17	Trường TH Đông Lợi	Tháng 11/2020	
18	Trường TH Tiến Nông	Tháng 11/2020	
19	Trường TH Tân Ninh	Tháng 11/2020	
20	Trường THCS Đồng Thắng	Tháng 4/2020	
21	Trường THCS Hợp Thắng	Tháng 11/2020	
22	Trường THCS Thọ Sơn	Tháng 11/2020	

Phụ lục số 18:

CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG ĐẠT BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ Y TẾ
 (Kèm theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 01/01/2020 của UBND huyện)

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu		
		Đạt Bộ tiêu chí quốc gia	Công nhận lại	Thời gia hoàn thành
1	Tiên Nông	x		Tháng 11/2020
2	Thọ Dân	x		Tháng 11/2020
3	Hợp Lý		x	
4	Thọ Tân		x	
5	Thọ Vực		x	
6	Thọ Phú		x	